

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN.

GV: LÊ THỊ HOAN

– Tiết PPCT 7,8,9,10

BÀI 3: SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo bắc – nam, đông – tây, độ cao.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội đất nước.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học: xác định được cách tư duy, làm việc hiệu quả để thực hiện nhiệm vụ học tập.
 - + Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi làm việc nhóm.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua xác định và làm rõ thông tin từ các nguồn khác nhau để thấy được ảnh hưởng của sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: trình bày được đặc điểm tự nhiên; phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống.
 - + Tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ của Địa lí học như lược đồ, bản đồ, bảng số liệu để phân tích các đặc điểm của tự nhiên.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa của thiên nhiên nước ta.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Yêu quê hương, đất nước, tự hào về sự đa dạng của thiên nhiên nước ta.
- Nhân ái: Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện tự nhiên cũng như hoàn cảnh sống khác nhau.
- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Trung thực: trong học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức và hành động cụ thể trong sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, TV.
- Bản đồ tự nhiên Việt Nam, bản đồ khí hậu Việt Nam, bản đồ các miền địa lí tự nhiên, tranh ảnh.
- Phiếu học tập.
- SGK Địa lí 12.

2. Học sinh

SGK Địa lí 12.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. Ổn định lớp

B. Bài mới

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu:

- Kết nối tri thức HS đã có về đặc điểm thiên nhiên Việt Nam với bài học.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung bài học.

b) Nội dung: Quan sát hình ảnh về các cảnh đẹp ở miền núi, đồng bằng, ở miền Bắc, miền Nam, em hãy nhận xét chung về thiên nhiên Việt Nam.

c) Sản phẩm: Thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng (giữa miền Bắc với miền Nam, giữa đồng bằng với miền núi,...)

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật động não.

- Bước 1: GV sử dụng hình ảnh về các cảnh đẹp ở miền núi, đồng bằng, ở miền Bắc, miền Nam, yêu cầu HS nhận xét chung về thiên nhiên Việt Nam.
- Bước 2: HS quan sát hình ảnh, tìm câu trả lời.
- Bước 3: Một số HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV dẫn dắt HS vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên

2.1.1. Thiên nhiên phân hóa theo chiều bắc – nam

a) Mục tiêu:

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo bắc – nam.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

b) Nội dung: HS đọc SGK, bản đồ tự nhiên Việt Nam, bản đồ khí hậu Việt Nam, hoàn thành phiếu học tập sau:

Phân lãnh thổ	Khí hậu	Cảnh quan thiên nhiên
Phía Bắc Giới hạn:...		
Phía Nam Giới hạn:...		

c) Sản phẩm:

SẢN PHẨM DỰ KIẾN		
Phân lãnh thổ	Khí hậu	Cảnh quan thiên nhiên
Phía Bắc (Toàn bộ lãnh thổ phía Bắc tới dãy Bạch Mã)	Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh: - Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. Mùa đông lạnh: với 2-3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 18°C. - Biên độ nhiệt năm cao. Khí hậu phân thành hai mùa đông và hạ.	- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu: đới rừng nhiệt đới gió mùa. Tùy thuộc vào điều kiện khí hậu và đất mà có các hệ sinh thái rừng khác nhau. - Thành phần loài: Nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có các loài thực vật cận nhiệt đới (dẻ, re) và ôn đới (sa mộc, đỗ quyên) cùng các loài thú có lông dày như gấu, chồn,...
Phía Nam (Từ dãy núi Bạch Mã trở vào phía Nam)	Khí hậu: mang sắc thái cận xích đạo gió mùa: - Nền nhiệt độ cao, trung bình năm trên 25°C. - Biên độ nhiệt năm không quá 4-5°C. Khí hậu phân thành hai mùa mưa và khô.	- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu: đới rừng cận xích đạo gió mùa. - Thành phần loài: phần lớn thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới có nguồn gốc Ma-lai-xi-a – In-đô-nê-xi-a di cư lên hoặc từ Ấn Độ – Mi-an-ma di cư sang. + Thực vật: xuất hiện các loài cây chịu hạn, rụng lá vào mùa khô, một số nơi hình thành kiểu rừng thưa nhiệt đới khô. + Động vật tiêu biểu là các loài thú lớn như voi, hổ, báo, bò rừng,...

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (nhóm 4 – 6 học sinh) và giao nhiệm vụ:
+ HS hoàn thành phiếu học tập của mình.
+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, HS về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.
- Bước 2: Mỗi HS làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.
- Bước 3: GV chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.1.2. Thiên nhiên phân hóa theo chiều đông – tây

a) Mục tiêu:

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo đông – tây.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

b) Nội dung: HS đọc SGK, bản đồ tự nhiên Việt Nam, hoàn thành bảng sau:

Vùng	Đồi núi	Đồng bằng ven biển	Biển và thềm lục địa
Diện tích			
Đặc điểm			

c) Sản phẩm:

SẢN PHẨM DỰ KIẾN			
Vùng	Đồi núi	Đồng bằng ven biển	Biển và thềm lục địa
Diện tích	Khoảng gần 250 nghìn km ² .	Khoảng hơn 80 nghìn km ² .	Rộng lớn, khoảng 1 triệu km ² , gấp 3 lần diện tích phần đất liền.
Đặc điểm	Phân hóa rất phức tạp: - Giữa Đông Bắc với Tây Bắc: + Vùng Đông Bắc: mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa. + Vùng Tây Bắc: Vùng núi thấp có cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa. Vùng núi cao cảnh quan giống vùng ôn đới. - Giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên: + Đông Trường Sơn: có một mùa mưa vào thu đông, trong khi Tây Nguyên là mùa khô. + Tây Nguyên: vào mùa mưa thì Đông Trường Sơn khô nóng.	Thiên nhiên thay đổi tùy nơi. - Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long được bồi tụ, mở rộng với các bãi triều thấp, phẳng, thềm lục địa rộng và nông. Địa hình thấp, bằng phẳng, có nhiều ô trũng. - Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ: hẹp ngang bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu, địa hình cồn cát, đầm phá khá phổ biến, đất kém màu mỡ.	- Lượng ẩm rất dồi dào, có sự hoạt động thường xuyên của gió mùa, Tín phong,... - Thiên nhiên đa dạng, giàu có tiêu biểu cho thiên nhiên vùng biển nhiệt đới ẩm gió mùa. - Thềm lục địa mở rộng ở vịnh Bắc Bộ, vùng biển Nam Bộ và vịnh Thái Lan; thềm lục địa phần còn lại thu hẹp.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật think – pair – share.

- Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo kỹ thuật think – pair – share để hoàn thành bài tập.
- Bước 2: Học sinh hoàn thành nhiệm vụ của mình. Sau đó trao đổi với bạn cặp đôi để hoàn thiện bài tập.
- Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện học sinh, một nhóm trình bày nội dung trước lớp, các học sinh khác, nhóm khác bổ sung.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét nội dung trả lời của các học sinh, các nhóm.

2.1.3. Thiên nhiên phân hóa theo độ cao

a) Mục tiêu:

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo độ cao.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

b) Nội dung: HS đọc SGK, hoàn thành phiếu học tập sau:

Tên đại	Độ cao	Khí hậu	Đất	Sinh vật
Ôn đới gió mùa trên núi				
Cận nhiệt gió mùa				

<i>trên núi</i>				
<i>Nhiệt đới gió mùa</i>				

c) Sản phẩm:

SẢN PHẨM DỰ KIẾN				
Tên đại	Độ cao	Khí hậu	Đất	Sinh vật
<i>Ôn đới gió mùa trên núi</i>	Từ 2600m trở lên (có ở dãy Hoàng Liên Sơn).	Mang tính chất ôn đới. - Tổng nhiệt độ hoạt động năm dưới 4500 °C. - Quanh năm nhiệt độ dưới 15°C, mùa đông xuống dưới 5 °C.	Đất mùn thô.	Thực vật ôn đới chiếm ưu thế như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam với rừng trúc lùn, rừng rêu mưa mù trên núi phát triển.
<i>Cận nhiệt gió mùa trên núi</i>	- Miền Bắc: từ 600m – 700m đến 2600m. - Miền Nam: từ 900 – 1000m đến 2600m.	Mát mẻ. - Tổng nhiệt độ hoạt động năm dao động từ 4500 °C đến 7500 °C. - Mùa hạ mát, nhiệt độ trung bình tháng dưới 25°C. - Mưa nhiều, độ ẩm cao.	- Từ trên 1600 – 1700m: Đất mùn. - Từ 600 – 700m đến 1600 – 1700m: Đất feralit có mùn.	- Phổ biến là các loài cận nhiệt đới xen kẽ một số loài nhiệt đới. - Trong rừng xuất hiện các loài chim, thú cận nhiệt đới như gấu, sóc,...
<i>Nhiệt đới gió mùa</i>	- Miền Bắc: 600 – 700m trở xuống. - Miền Nam: 900 – 1000m trở xuống.	Nhiệt đới gió mùa biểu hiện rõ. - Tổng nhiệt độ hoạt động năm trên 7500 °C. - Mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình tháng trên 25°C). - Độ ẩm thay đổi tùy nơi.	Có 2 nhóm đất chính: - Nhóm đất phù sa ở vùng đồng bằng (đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn, đất cát,...). - Nhóm đất feralit ở vùng đồi núi thấp (feralit đỏ vàng, feralit nâu đỏ).	- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh hình thành ở những vùng núi thấp, mưa nhiều, ẩm ướt. - Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa. - Các hệ sinh thái rừng trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt. - Thực vật, động vật nhiệt đới phong phú, đa dạng.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- Bước 1: Giáo viên chia lớp thành các nhóm (nhóm 4 – 6 học sinh) và giao nhiệm vụ:
 - + Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình.
 - + Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.
- Bước 2: Mỗi học sinh làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.
- Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các miền địa lý tự nhiên

a) Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

b) Nội dung: HS đọc SGK, bản đồ tự nhiên Việt Nam, bản đồ khí hậu Việt Nam, bản đồ sông ngòi Việt Nam, bản đồ khoáng sản Việt Nam, hoàn thành phiếu học tập sau:

Miền	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Phạm vi, ranh giới			
Địa hình và đất			
Khí hậu			
Sông ngòi			
Sinh vật			
Khoáng sản			

c) Sản phẩm:

SẢN PHẨM DỰ KIẾN			
Miền	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Ranh giới	Dọc theo hữu ngạn sông Hồng và rìa phía tây nam đồng bằng sông Hồng.	Từ ranh giới với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ tới dãy núi Bạch Mã.	Từ dãy núi Bạch trở vào Nam.
Địa hình và đất	- Địa hình: + Đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế. + Các dãy núi hướng vòng cung. + Cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam. + Đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. + Địa hình các-xtơ khá phổ biến. + Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo. - Đất: feralit ở vùng đồi núi thấp, đất phù sa ở ĐBSH,...	- Địa hình: + Núi cao và núi trung bình chiếm ưu thế, bị chia cắt mạnh và hiểm trở nhất nước ta. + Các dãy núi xen kẽ các thung lũng theo hướng tây bắc – đông nam, có nhiều bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, lòng chảo,... + Ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá. Đồng bằng nhỏ và bị chia cắt. - Đất: đất feralit phổ biến ở vùng đồi núi; đất phù sa ở vùng ven biển.	- Địa hình: + Khá phức tạp. + Trường Sơn Nam hình cánh cung, có sự bất đối xứng giữa sườn đông và sườn tây. Các cao nguyên badan diện tích lớn, tương đối bằng phẳng. + Đồng bằng sông Cửu Long rộng lớn, có hệ thống kênh rạch chằng chịt. + Dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ nhỏ hẹp, bị chia cắt bởi các nhánh núi. + Vùng biển với thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên. - Đất: ở vùng núi và cao nguyên chủ yếu là đất feralit. Vùng đồng bằng có đất phù sa. Ngoài ra còn có đất cát và đất xám trên phù sa cổ.
Khí hậu	Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh điển hình nhất nước ta.	- Giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. - Hoạt động của gió Tây khô nóng vào đầu mùa hạ.	- Khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm, biên độ nhiệt độ nhỏ. - Khí hậu có hai mùa mưa và khô rõ rệt.
Sông ngòi	- Mật độ khá lớn. - Hai hướng chính: TB – ĐN và hướng vòng cung.	- Có sự phân hóa. - Hai hướng chính: TB – ĐN và tây – đông.	- Khá dày đặc. - Có sự phân hóa.

Sinh vật	- Phong phú và đặc sắc thuộc khu hệ thực vật Việt Bắc - Hoa Nam. - Cảnh quan thiên nhiên có sự thay đổi theo mùa, theo khu vực.	- Có sự hội tụ của nhiều luồng sinh vật. - Rừng còn tương đối nhiều ở vùng núi Nghệ An, Hà Tĩnh. - Thành phần thực vật phương Nam chiếm ưu thế ở khu vực Trường Sơn Bắc.	- Điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa. - Ở khu vực Tây Nguyên có kiểu rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá và rụng lá. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển rừng ngập mặn và rừng tràm.
Khoáng sản	Đa dạng: than, sắt, chì – kẽm, thiếc, khí tự nhiên (ở bể Sông Hồng),...	Sắt, đồng, apatit, crôm, thiếc, vật liệu xây dựng,...	Nổi bật là dầu mỏ, khí tự nhiên (ở thềm lục địa), bô-xít (ở khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ).

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

– Bước 1: Giáo viên chia lớp thành các nhóm (nhóm 4 – 6 học sinh) và giao nhiệm vụ:

+ Học sinh hoàn thành phiếu học tập của mình.

+ Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh về nhóm của mình, thảo luận hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 2: Mỗi học sinh làm việc độc lập hoàn thành phiếu học tập; sau đó về nhóm thảo luận, chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm, thống nhất kết quả thảo luận, hoàn thiện phiếu học tập.

– Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Bước 4: Giáo viên nhận xét, góp ý, chuẩn kiến thức và tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hoạt động 3: Tìm hiểu ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội

a) Mục tiêu: Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế – xã hội đất nước.

b) Nội dung: HS đọc SGK hoàn thành bảng sau:

Sự phân hóa	Bộ phận	Ảnh hưởng
Theo chiều bắc - nam	Phần lãnh thổ phía Bắc	
	Phần lãnh thổ phía Nam	
Theo chiều đông - tây	Vùng ven biển và thềm lục địa	
	Vùng đồng bằng	
	Vùng đồi núi	
Theo độ cao	Các đai cao	

c) Sản phẩm:

SẢN PHẨM DỰ KIẾN		
Sự phân hóa	Bộ phận	Ảnh hưởng
Theo chiều bắc - nam	Phần lãnh thổ phía Bắc	Phát triển vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả cận nhiệt đới (chè, hồi, quế, đào, lê,...).
	Phần lãnh thổ phía Nam	Phù hợp phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, cao su, hồ tiêu,...).
Theo chiều đông - tây	Vùng ven biển và thềm lục địa	Phát triển tổng hợp kinh tế biển (khai thác, nuôi trồng hải sản; du lịch biển; giao thông vận tải biển;...).
	Vùng đồng bằng	Phát triển cây lương thực (nhất là lúa); chăn nuôi (lợn, gia cầm); thuận lợi cho định cư, tập trung các thành phố, đầu mối GTVT.
	Vùng đồi núi	- Thích hợp phát triển nông lâm kết hợp; các vùng chuyên canh cây công nghiệp; chăn nuôi gia súc lớn; công nghiệp (khai khoáng, thủy điện); du lịch;... - Khó khăn: GTVT; giao lưu kinh tế; phân bố dân cư; y tế, giáo dục,...

Theo độ cao	Các đai cao	- Tạo nên những nét độc đáo trong các ngành sản xuất và đời sống. - Tạo nên các thể mạnh khác nhau trong phát triển kinh tế. - Ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư.
-------------	-------------	---

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện kỹ thuật think – pair – share.

- Bước 1: Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo kỹ thuật think – pair – share để hoàn thành bài tập.
- Bước 2: Học sinh hoàn thành nhiệm vụ của mình. Sau đó trao đổi với bạn cặp đôi để hoàn thiện bài tập.
- Bước 3: Giáo viên chỉ định đại diện học sinh, một nhóm trình bày nội dung trước lớp, các học sinh khác, nhóm khác bổ sung.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét nội dung trả lời của các học sinh, các nhóm.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu: củng cố, hệ thống hoá kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS trả lời một số câu hỏi:

1. Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn

Câu 1: Thiên nhiên vùng núi nào sau đây mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa?

- A.** Vùng núi cao Tây Bắc. **B.** Vùng núi Trường Sơn.
C. Vùng núi thấp Tây Bắc. **D.** Vùng núi Đông Bắc.

Câu 2: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất trong đai nhiệt đới gió mùa là

- A.** đất feralit đỏ vàng. **B.** đất phù sa. **C.** đất phù sa cổ. **D.** đất feralit có mùn.

Câu 3: Ở nước ta vùng núi nào có đủ 3 đai cao?

- A.** Tây Bắc. **B.** Đông Bắc. **C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

Câu 4: Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam chủ yếu vì

- A.** có nền nhiệt độ thấp hơn. **B.** có nền nhiệt độ cao hơn.
C. có nền địa hình thấp hơn. **D.** có nền địa hình cao hơn.

Câu 5: Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A.** Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
B. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
C. Cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm.
D. Nhiệt đới khô gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 6: Sông ngòi miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là

- A.** dày đặc, chảy theo hướng vòng cung và tây bắc - đông nam.
B. dày đặc, tất cả các sông đều chảy theo hướng vòng cung.
C. dày đặc, hầu hết đều chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
D. dày đặc, chảy theo hướng tây bắc - đông nam và tây - đông.

Câu 7: Biểu hiện nào sau đây đúng với thiên nhiên ở đai nhiệt đới gió mùa?

- A.** Khí hậu mát mẻ, đất feralit có mùn, rừng lá kim.
B. Nhiệt độ thấp dưới 15°C, đất mùn thô, sinh vật ôn đới.
C. Nhiệt độ cao, đất mùn thô, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
D. Nhiệt độ cao, đất feralit, sinh vật nhiệt đới đa dạng.

Câu 8: Ở nước ta, thiên nhiên vùng núi Tây Bắc khác với Đông Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

- A.** Mùa đông đến sớm hơn ở vùng núi thấp.
B. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm hơn.
C. Mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn hơn.
D. Khí hậu lạnh chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

Câu 9: Nguyên nhân chủ yếu nào dẫn đến sự phân hóa thiên nhiên theo Đông - Tây ở vùng đồi núi nước ta?

- A.** độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau.
B. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
C. độ dốc địa hình theo hướng tây bắc - đông nam.
D. tác động của con người và sự biến đổi khí hậu.

Câu 10: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu dẫn đến khí hậu nước ta phân hóa theo chiều Bắc – Nam?

- A.** Số giờ chiếu sáng trong năm và dài hội tụ nội chí tuyến.
B. Dải hội tụ nội chí tuyến và sự thay đổi của góc nhập xạ.
C. Sự thay đổi của góc nhập xạ và hoạt động của gió mùa.

D. Hoạt động của gió mùa và số giờ chiếu sáng trong năm.

2. Trắc nghiệm đúng, sai

HS trả lời câu hỏi sau. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 – 700m ở miền Bắc và dưới 900 – 1000 m ở miền Nam. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa.

b) Đai này có hệ sinh thái rừng ôn đới chiếm ưu thế.

c) Mùa hạ nóng do ảnh hưởng vị trí địa lý và hoạt động của gió mùa hạ.

d) Đất feralit chiếm ưu thế do tác động chủ yếu của yếu tố địa hình và khí hậu.

c) Sản phẩm:

1. Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn: Đáp án gạch chân ở phần câu hỏi.

2. Trắc nghiệm đúng, sai:

→ Đáp án: c,d đúng; a,b : sai.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật dạy học tia chớp.

– Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi.

– Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.

– Bước 3: GV mời một số HS trình bày, HS khác bổ sung.

– Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức địa lý để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: Tìm hiểu về ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến ngành nông nghiệp hoặc du lịch ở nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Bài làm tham khảo:

Do sự phân hóa khí hậu giữa các vùng, miền nên thời vụ ở các điểm, khu du lịch biển Việt Nam có sự khác nhau về thời gian, độ dài và cả tính chất của mùa vụ.

- Ở vùng ven biển phía Bắc, mùa đông chịu ảnh hưởng của khối không khí lạnh cực đới từ phía Bắc tràn xuống có nền nhiệt độ thấp, mùa hè chịu ảnh hưởng của khối khí nhiệt đới có nhiệt độ cao nên khí hậu ở vùng này phân hóa thành hai mùa nóng và lạnh rõ rệt, do đó, tính thời vụ trong hoạt động du lịch ở các khu du lịch biển miền Bắc thể hiện rõ nét nhất. Mùa lạnh (từ tháng 11 đến tháng 4) có nền nhiệt độ thấp, tiết trời lạnh, cuối mùa đông tuy nhiệt độ có tăng nhưng đa phần vẫn thấp hơn 20°C, lại thêm mưa phùn nên hoạt động nghỉ dưỡng, tắm biển ở các điểm, khu du lịch biển vào thời điểm này không thể diễn ra. Đây cũng chính là mùa vắng khách tại các điểm du lịch biển miền Bắc Việt Nam. Điều này gây khó khăn cho việc tổ chức và quản lý các hoạt động du lịch, kinh doanh, đầu tư và nâng cấp các cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Nhưng một số điểm du lịch như Hạ Long, Huế vẫn có khách vào mùa này, đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

- Khác với khu vực ven biển miền Bắc, khu vực ven biển miền Nam có điều kiện khí hậu thuận lợi với nền nhiệt độ cao đều quanh năm (nhiệt độ trên 25°C), ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc. Với điều kiện khí hậu thuận lợi, kết hợp với cảnh quan đẹp, tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú nên hoạt động du lịch biển ở đây có thể diễn ra quanh năm.

- Khu vực Nam Bộ có đặc điểm khí hậu nhiệt đới với hai mùa là mùa khô và mùa mưa (từ tháng 4-5 đến tháng 10-11). Nhiệt độ của khu vực này cao quanh năm. Khí hậu ít biến động trong năm. Đối với các khu du lịch biển thuộc vùng khí hậu Nam Bộ, thời kỳ có điều kiện khí hậu thuận lợi ngắn hơn so với Nam Trung Bộ, do mùa mưa dài hơn. Trong mùa mưa (những tháng có lượng mưa trung bình trên dưới 100mm), điều kiện để phát triển du lịch biển chỉ kém thuận lợi hơn mùa khô chút ít vì vào mùa mưa, lượng mưa trung bình tháng không lớn và mưa thường tập trung vào buổi chiều dưới hình thức mưa rào và dông, thời gian còn lại ban ngày vẫn có nắng và ấm, vẫn có thể tiến hành hoạt động du lịch biển.

d) Tổ chức thực hiện:

– Bước 1: GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến ngành nông nghiệp hoặc du lịch ở nước ta.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- Bước 3: HS nộp bài lên nhóm lớp.
- Bước 4: GV nhận xét bài làm của HS trong tiết thực hành.

C. Hướng dẫn về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 4: Thực hành: Viết báo cáo về sự phân hóa tự nhiên Việt Nam.